

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21-5-2020

*“V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Minh Cảnh
2. Bà Dương Ngọc Bích

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Sang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Diễm T, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: S151 LQK, phường VB, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1981 (vắng mặt);

HKTT: S151 LQK, phường VB, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang. Hiện đang chấp hành án tại PT1, Trại giam K7- CC10 thuộc Bộ Công An. Địa chỉ: ấp KLD, xã Đ, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 12/8/2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Võ Thị Diễm T trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị và anh Nguyễn Văn H chung sống với nhau vào năm 2012, có đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường VB, Thành phố RG, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/11/2012. Thời gian chung sống chị và anh H có 01 đứa con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 25/11/2012, đang chung sống với chị; về tài sản chung, chị và anh H không có tài sản chung; về nợ, chị và anh H không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị. Quá trình chung sống anh chị sống không hòa hợp, thường xuyên bất hòa, cự cãi với nhau, hôn nhân không hạnh phúc, chị và anh H cố gắng dàn xếp để cùng lo cho con nhưng vẫn không có kết quả. Đến ngày 02/8/2017, anh H bị bắt vì phạm tội cố ý gây thương tích, ngày 15/10/2018, anh H được chuyển đến chấp hành án tại PT1, Trại giam K7- CC10, thuộc Bộ Công An, chị và anh H đã ly thân gần 02 năm nay. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về quan hệ con chung: Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 25/11/2012, theo nguyện vọng của con, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ: Không có, chị không yêu cầu giải quyết.

** Trong quá trình tố tụng và đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử ngày 13/5/2020, bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:*

Về thời gian chung sống, kết hôn, con chung như chị Võ Thị Diễm T trình bày trên là đúng. Anh và chị T sống chung, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường VB, Thành phố RG, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong thời gian chung sống anh và chị T có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 25/11/2012, chị T đang nuôi dưỡng; anh và chị T không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị. Quá trình chung sống anh thấy anh và chị T không có mâu thuẫn gì, thời gian anh phạm tội đi chấp hành án, anh biết được chị T không còn chung thủy với anh nhưng anh còn thương vợ con, anh không muốn ly hôn. Nay về quan hệ hôn nhân, chị T cương quyết ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị T.

- Về quan hệ con chung: Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 25/11/2012, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ: Không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh đang chấp hành án tại PT1, Trại giam K7- CC10 thuộc Bộ Công An. Địa chỉ: ấp KLD, xã Đ, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên anh không tham gia xét

xử theo triệu tập của Tòa án được, anh làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện An Biên giải quyết và xét xử vắng mặt anh.

** Tại biên bản ghi ý kiến trình bày nguyện vọng ngày 13/02/2020, Nguyễn Ngọc Bảo Trân trình bày:*

Nguyễn Ngọc Bảo Tr đang học lớp hai tại Trường tiểu học KĐ, địa chỉ: đường NTT, phường VB, Thành phố RG, tỉnh Kiên Giang, cha là Nguyễn Văn H và mẹ là Võ Thị Diễm T. Khi mẹ và cha ly thân đến nay Nguyễn Ngọc Bảo Tr chung sống với mẹ là Võ Thị Diễm T. Tòa án giải quyết cho mẹ và cha ly hôn thì Nguyễn Ngọc Bảo Tr có nguyện vọng chung sống với mẹ là Võ Thị Diễm T. Yêu cầu Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xem xét, chấp thuận nguyện vọng của Nguyễn Ngọc Bảo Tr được chung sống với mẹ là Võ Thị Diễm T.

** Tại biên bản xác minh ngày 18 tháng 02 năm 2020, về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân:*

Thời gian chị T và anh H chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn tình cảm vợ chồng và đã ly thân, sau đó anh H bị bắt do phạm tội cố ý gây thương tích cho người khác đến nay anh chị không còn sống chung, từ khi chị T và anh H ly thân đến nay con chung của anh chị chung sống với chị T được đi học, sinh hoạt bình thường.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Sổ hộ khẩu, Giấy chứng minh nhân dân Võ Thị Diễm T và Nguyễn Văn H, Giấy chứng nhận kết hôn chị Võ Thị Diễm T và anh Nguyễn Văn H, Giấy khai sinh Nguyễn Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 25/11/2012, biên bản ghi ý kiến trình bày nguyện vọng ngày 13/02/2020 của Nguyễn Ngọc Bảo Tr, Biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện An Biên ngày 18 tháng 02 năm 2020.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Võ Thị Diễm T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 25/11/2012 theo nguyện vọng của con, chị không yêu cầu anh Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ, chị và anh Nguyễn Văn H không có tài sản chung, không có nợ người khác và người khác không có nợ anh chị nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 239 và Điều 247 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Chị Võ Thị Diễm T và anh Nguyễn Văn H chung sống với nhau vào ngày 20 tháng 11 năm 2012 có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị T yêu cầu được ly hôn với anh H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; về con chung, anh chị có được 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 25/11/2012 chung sống với chị T từ khi anh chị ly thân đến nay, con của anh chị có nguyện vọng chung sống với chị T nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung của anh chị tên Nguyễn Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 25/11/2012 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng con của anh chị; về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chị T không yêu cầu giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Võ Thị Diễm T và yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn H và tranh chấp về nuôi con. Bị đơn anh Nguyễn Văn H đang chấp hành án tại PT1, Trại giam K7- CC10 thuộc Bộ Công An. Địa chỉ: ấp KLD, xã Đ, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi hòa giải không thành, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh H có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử. Đồng thời, tại phiên tòa chị T không yêu cầu hoãn phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Võ Thị Diễm T và anh Nguyễn Văn H chung sống với nhau vào ngày 20 tháng 11 năm 2012, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân phường VB, Thành phố RG, tỉnh Kiên Giang là nơi cư trú của anh chị*) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 125/2012, quyển số: 01/2012, ngày 20 tháng 11 năm 2012, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nay là Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của chị Võ Thị Diễm T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H, thời gian anh chị chung sống không hòa hợp, thường xuyên bất hòa, cự cãi với nhau, hôn nhân không hạnh phúc, chị và anh H cố gắng dàn xếp để cùng lo cho con nhưng vẫn không có kết quả, đến ngày 02/8/2017 anh H bị bắt vì phạm tội cố ý gây thương tích nên anh chị sống ly thân đến nay; anh H không muốn ly hôn với chị T, tuy chị T không còn chung thủy với anh nhưng anh vẫn còn thương vợ con và chị T đồng ý giao con cho anh nuôi anh mới đồng ý ký đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng, chị T và anh H ly thân với nhau từ ngày 02/8/2017 đến nay là một thời gian dài mà anh chị không có cách hàn gắn nên vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau thời gian dài là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, hôn nhân đã lâm vào trầm trọng. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, chị T cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh H, còn anh H đồng ý ly hôn với chị T khi chị T đồng ý giao con cho anh nuôi dưỡng là hôn nhân không có sự tự nguyện, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị Võ Thị Diễm T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị T và anh H có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 25/11/2012, chị T nuôi dưỡng từ khi anh chị ly thân đến

nay. Khi ly hôn chị T và anh H đều yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Thấy rằng, yêu cầu của anh chị là chính đáng, xuất phát từ tình yêu thương của cha, mẹ dành cho con hết quyền lợi về mọi mặt để con anh chị có cuộc sống phát triển sau này. Tuy nhiên, việc xem xét giao con cho người trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con anh chị. Trong khi anh H đang chấp hành án không có đủ điều kiện, thời gian để chăm nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Đồng thời, con của anh chị chung sống với chị T từ khi anh chị ly thân đến nay đã thích nghi với cuộc sống hiện tại, có nguyện vọng chung sống với chị T. Ngoài ra, con của anh chị là con gái nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ nhiều hơn khi con của anh chị phát triển tâm sinh lý. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, yêu cầu của chị T và nguyện vọng con của anh chị, giao con chung của anh chị tên Nguyễn Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 25/11/2012 cho chị Võ Thị Diễm T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Trường hợp xét thấy quyền lợi về mọi mặt của con anh chị thì sau này anh chị cũng có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, chị T và anh H xác định, anh chị không có tài sản chung, không nợ người khác, người khác không nợ anh chị và anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 206, khoản 1 Điều 227, Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Võ Thị Diễm T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung của anh chị tên Nguyễn Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 25/11/2012 cho chị Võ Thị Diễm T tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được, theo nguyện vọng của con anh chị, con của anh chị hiện nay đang chung sống với chị Thúy.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Trường hợp xét thấy quyền lợi về mọi mặt của con anh chị thì sau này anh chị cũng có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ: Chị T và anh H xác định, anh chị không có tài sản chung, không nợ người khác, người khác không nợ anh chị và anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Buộc chị Võ Thị Diễm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008317 ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Võ Thị Diễm T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 21/5/2020. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- UBND phường Vĩnh Bảo, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP (Sang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thảo